

Số: 95/BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 01 năm 2023 đến ngày 15 tháng 02 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Thời tiết từ ngày 15-21/01/2023 trời rét, nhiệt độ cao nhất từ 18-24 độ, nhiệt độ thấp nhất từ 13-17 độ, gió đông tác động gây mưa vừa, mưa to, nhiều cánh đồng ngập sâu trong nước, nhất là vùng trũng. Từ 21/01 đến nay, thời tiết ấm dần, phổ biến ngày trời nắng xen kẽ một vài ngày có mưa nhỏ thuận lợi cho các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông xuân	Sớm	Đẻ nhánh rộ	1.500	-
	Chính vụ	Đẻ nhánh	21.200	-
	Muộn	3-5 lá	3.000	-
	Tổng:		25.700	-

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Trồng mới - cây con	9.100
- Cây ngô	Gieo - xoắn ngọn	3.000
- Cây lạc	Nảy mầm - cây con	2.500
- Cây công nghiệp:		
<i>Hồ tiêu</i>	Phát triển quả	2.225,2
<i>Cao su</i>	Rụng lá sinh lý	18.883
<i>Cà phê</i>	Phân hóa mầm hoa - ra hoa	4.094

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Ngập úng do mưa

Cây trồng bị ảnh hưởng	Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục (ha)				
	Giảm NS 30-70%	Mất trắng (>70%)	Đã gieo cây lại	Đã trồng cây khác	Đề đất trồng
Cây lúa	-	-	94,5	-	-

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/01/2023-15/02/2023

1. Trên cây lúa: Một số đối tượng dịch hại gồm: Chuột DTN 157 ha (tăng 90 ha so với tháng trước, tăng 44 ha so với cùng kỳ năm trước), tỷ lệ hại phổ biến 5%, nơi cao 10%; ốc brou vàng DTN 217 ha (tăng 81 ha so với tháng trước, tăng 67 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó hại nặng 22 ha, mật độ phổ biến 2-5 con/m², nơi cao 8-10 con/m².

2. Cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ một số vùng trên ngô giai đoạn cây con, DTN 30 ha (tăng 14 ha so với cùng kỳ năm trước), mật độ phổ biến 2 - 4 con/m², nơi cao 5 - 7 con/m².

3. Trên cây hồ tiêu: Tuyến trùng DTN 296 ha (giảm 20 ha so với tháng trước, giảm 270 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 171 ha (tương đương tháng trước, giảm 51 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 23 ha (tương đương tháng trước, giảm 48 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 110 ha (tương đương tháng trước, giảm 80 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 42 ha (tương đương tháng trước, giảm 53 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 156 ha (tăng 29 ha so với tháng trước, giảm 39 ha so với cùng kỳ năm trước).

4. Trên cây cà phê: Bệnh rỉ sắt DTN 990 ha (giảm 175 ha so với tháng trước, tăng 130 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 60 ha; bệnh thán thư DTN 580 ha (giảm 10 ha so với tháng trước, giảm 168 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 30 ha; bệnh khô cành DTN 745 ha (giảm 10 ha so với tháng trước, giảm 105 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 55 ha; rệp DTN 145 ha (tăng 15 ha so với tháng trước, tăng 78 ha so với cùng kỳ năm trước).

5. Trên cây cao su: Bệnh xì mù DTN 141 ha (tăng 6 ha so với tháng trước, giảm 147 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 255 ha (tăng 15 ha so với tháng trước, giảm 43 ha so với cùng kỳ năm trước).

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus gây hại trên một số diện tích sắn mới trồng, DTN 28,1 ha (tăng 17,6 ha so với kỳ trước, tăng 22,1 ha so với cùng kỳ năm trước), tỷ lệ bệnh phổ biến 10 - 15%, nơi cao 50 - 60%.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/02/2023-15/3/2023

1.1. Trên cây lúa: Chuột tiếp tục gây hại nhiều nơi; ốc brou vàng tiếp tục gây hại trên lúa trà muộn; bệnh đạo ôn lá, bạc lá vi khuẩn, khô vằn, sâu cuốn lá nhỏ, rầy các loại, nhện gié... sẽ phát sinh gây hại cây lúa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng. Đặc biệt, bệnh đạo ôn khả năng phát sinh và lây lan gây hại trên diện rộng, trên những giống nhiễm như IR 38, VN 10, Bắc thơm 7, HC 95,... bệnh có thể hại nặng và gây cháy cục bộ nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời.

1.2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu tiếp tục phát sinh gây hại nhiều vùng nếu không được phát hiện sớm và xử lý kịp thời, hiệu quả.

1.3. Trên cây rau, lạc: Bọ nhảy, sâu ăn lá, lở cổ rễ, bệnh do nấm, vi khuẩn..., sẽ phát sinh gây hại nếu không phát hiện sớm và xử lý kịp thời.

1.4. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi, đặc biệt bệnh chết chậm, chết nhanh có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch, những vườn thoát nước kém.

1.5. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Rệp các loại, bệnh thán thư, khô cành, bệnh gỉ sắt...tiếp tục gây hại, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

1.6. Trên cây cao su: Bệnh xì mù, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại, hại nặng tại các vườn đang bị bệnh đồng thời lây lan ra các vườn khác. Bệnh phấn trắng, héo đen đầu lá phát sinh gây hại trên diện rộng.

1.7. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus có thể lây lan ra nhiều vùng, hại nặng những vùng đã bị bệnh các năm trước .

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới

2.1. Trên cây lúa

- Tăng cường kiểm tra bệnh đạo ôn trên tất cả các giống, kiểm tra kỹ trên các giống nhiễm như: HC95, IR38, Bắc thơm 7, VN10..., trên các chân ruộng gieo dầy, bón thừa đạm... để phun thuốc trừ bệnh kịp thời khi bệnh mới phát sinh (*tỷ lệ bệnh khoảng 5%*). Trên những chân ruộng đã bị bệnh đạo ôn phải ngừng bón tất cả các loại phân và phân bón qua lá, tiến hành phun thuốc trừ bệnh bằng các loại thuốc có hoạt chất *Tricyclazole, Isoprothiolane, Fenoxanil + Isoprothiolane, Fenoxanil + Tricyclazole,...* như: Beam, Fujione, Ninja, Fillia, Map Famy,... theo liều lượng khuyến cáo, chú ý phải phun ướt đẫm lá, lượng nước thuốc đã pha ít nhất 20 lít/sào. Những ruộng đã nhiễm bệnh đạo ôn sau khi phun thuốc, bệnh ngừng phát triển mới được bón phân.

- Duy trì công tác diệt chuột bằng nhiều biện pháp để hạn chế chuột gây hại, ưu tiên các biện pháp thủ công (Tuyệt đối nghiêm cấm dùng biện pháp kích điện để diệt chuột). Theo dõi mật độ rầy các loại, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh khô vằn, bạc lá vi khuẩn, nhện gié... để có biện pháp phòng trừ kịp thời.

2.2. Trên cây ngô

- Thực hiện các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp để phòng chống sâu keo mùa thu. Thường xuyên điều tra tình hình phát sinh gây hại của sâu để phát hiện sớm và phun trừ hiệu quả.

- Những nơi sâu đang gây hại sử dụng các loại thuốc hóa học có hoạt chất *Bacillus Thuringiensis, Spinetoram, Indoxacarb, Lufenuron, Emamectin benzoate...* như: Bitadin WP, Map - Biti WP 50000 IU/mg, Radiant 60SC, Map wing 45WP, Amater 150SC, Indocar 150SC, Angun 5WG, Proclaim 1.9EC,... để phun trừ khi sâu đa số tuổi 1-2, phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, phun 2 lần cách nhau 10-12 ngày, phun ướt đều 2 mặt lá, nách lá và nõn lá.

2.2. Trên cây rau, lạc

- Tăng cường kiểm tra, tổ chức phòng trừ khi sâu bệnh gây hại nặng, chú ý đảm bảo hiệu quả và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên rau.

2.3. Trên cây hồ tiêu

Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột; sử dụng các loại thuốc để phòng trừ.

2.4. Trên cây cà phê: Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh.

2.5. Trên cây cao su: Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi. Tăng cường điều tra phát hiện bệnh phấn trắng và héo đen đầu lá trên lá mới để có biện pháp xử lý kịp thời.

2.6. Trên cây sắn: Điều tra, khoanh vùng bị nhiễm bệnh khảm lá virus để xử lý không để lây lan ra diện rộng. Đối với những vùng chưa tiến hành trồng mới: Tuyệt đối không sử dụng hom sắn từ các vùng đã bị bệnh khảm lá để làm giống. Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như rệp sáp bột hồng, bệnh chổi rồng để có biện pháp xử lý hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG

ST T	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (3 lá - đẻ nhánh)													
1	Chuột	5	10			157	145	12	0	0	+90	+44		Triệu Phong, Gio Linh, V. Linh, Đông Hà
2	Ốc bươu vàng	2-5	8-10		N, TT	217	150	45	22	0	+81	+67		Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, Đakrông, Đ. Hà
II	Cây ngô (Gieo - xoắn ngọn)													
1	Sâu keo mùa thu	2-4	5-7		2	30	25	5	0	0	+30	+14		Tr. Phong, TX. QTri, C. Lộ, Đakrông
III	Cây Hồ tiêu (PT quả)													
1	Tuyến trùng	5-10	15-20		1-3	296	244	50	2	0	-20	-270		Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa
2	Chết chậm	3-5	10-12		1-3	156	122	30	4	0	+29	-39		
3	Thán thư	3-5	15-20		1-3	171	141	25	5	0	0	-51		
4	Đốm lá	5-10	15-20		1-3	110	83	24	3	0	0	-80		
5	Chết nhanh	1-5			1-3	23	17	6	0	0	+2	-48		Vĩnh Linh, Gio Linh
6	Rệp sáp	10-15	30		1	42	31	9	2	0	+2	-53		Hướng Hóa
IV	Cây cà phê (Phân hóa mầm hoa - ra hoa)													
1	Rệp	5-10	60		1	145	95	45	5	0	+15	+78		Hướng Hóa
2	Bệnh khô cành	10-15	50		1-3	745	495	195	55	0	-10	-105		
3	Bệnh thán thư	20-25	60-65		1-3	580	370	180	30	0	-10	-168		
4	Gỉ sắt	5-10	60		3	990	550	380	60	0	-175	+130		
V	Cây cao su (KTCB – rụng lá sinh lý)													

ST T	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
1	Bệnh LSMC	5	10		1-3	255	213	36	6	0	+15	-43		Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa
2	Bệnh xì mũ	5-10	15		1-3	141	123	18	0	0	+6	-147		Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa
VI	Sắn (Trồng mới - cây con)													
1	Khảm lá virus	10-15	50-60			28,1	19	16	2,5	0	+17,6	+22,1		H. Lãng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, TX Quảng Trị